

PHÁP HOA QUYỀN NGHĨA THÍCH THIÊM

QUYỂN 10

Phần thứ tư là địa vị Diệu, phân làm bốn:

1. Trình bày ý hướng đến.
2. Từ “Đản vị” trở xuống là sơ lược nói về các địa vị Quyền - Thật.
3. Từ “Kim kinh...” trở xuống là sơ lược thuật về kinh này.
4. Từ “Tiểu thảo...” trở xuống là dựa vào kinh giải thích rộng ra.

Trong văn phần một nói Thể Tông Dụng đầy đủ, ấy là Thể của cảnh, Tông của hạnh, Dụng của trí vậy. Trong văn phần hai nói Địa, Nhiếp các luận nói tách biệt theo một cách riêng là những Luận này phần nhiều là nghĩa về một môn của Biệt giáo không bao gồm với Đại - Tiểu, các kinh như Phương Đăng trình bày về địa vị tướng tận không bằng kinh Anh Lạc, các kinh như Bát-nhã trình bày về địa vị tướng tận không bằng kinh Nhân Vương. Nhưng kinh Anh Lạc chỉ giữ lại Biệt môn, kinh Nhân Vương phần nhiều thuộc về Viên - Biệt và hàm chứa ý của Thông giáo, mà hoàn toàn không làm sáng tỏ về ý phân rõ địa vị. thô Diệu còn không phân rõ hướng là luận về khai mở ư? Vì vậy biết rằng chỉ là Vị thích hợp trình bày về nghĩa mà không phân rõ ý đối với địa vị trước sau. Vốn nói là ý ấy là vì sao các giáo Quyền Thật không giống nhau, vì sao các vị tăng giảm sai khác, nghĩa là các loại thi thiết, khai mở, phế bỏ... tức là ý ấy vậy. Văn phần ba nói là kinh này, trước là nói sơ lược về ý, tiếp là sơ lược thuộc về so sánh. Kinh này trong phần đầu trình bày về địa vị tuy vẫn không bằng hai kinh kia trình bày về địa vị tướng tận hơn, mà nghĩa kinh này bao gồm Đại - Tiểu và khai mở, phân định... thì các kinh không trình bày. Tại vì sao? Bởi vì như phẩm Tựa, Trời tung bốn loại hoa, phẩm Phương Tiện - Khai thị ngộ nhập, phẩm Thí Dụ, đạo qua khắp bốn phương; phẩm Hóa Thành, Rộng năm trăm do tuần, đều là địa vị Thật của Tích môn. Thảo am, Hóa Thành, ba cỗ hai cây đều là địa vị Quyền của Tích môn. Phân biệt công đức bắt đầu từ Vô Sanh tức là Sơ Trú, cho đến Nhất Sanh tức là Đăng giác. Đây cũng là vị Thật của Bốn môn. Am cõi Hóa thành bị phế bỏ chỉ còn lại

“ngôi nhà giữa cồn sông”, thảo mộc đều dựa vào cùng một mặt đất, một trận mưa, đây là hội tụ các địa vị Quyền đều quy về một Thật cho nên nói là văn thô phân định Quyền Thật. Hóa độ không hết ấy là tương truyền rằng phân bố Pháp Hoa ở Tây Phương một do tuần. Tiếp trong phần thuộc về so sánh, có hai: 1. Dẫn kinh; 2. Thuộc về so sánh. Phần bốn giải thích rộng ra, trong văn tự phân biệt ba cỗ hai cây và dùng một Thật để làm thành sáu Địa vị. Thứ nhất trong Tiểu Thảo có ba: 1. Sơ lược dẫn kinh để thành lập; 2. Phân rõ về nhân quả đó; 3. Từ “Nhân vị...” trở xuống là chính thức giải thích. Trong giải thích có hai: Đó là Nhân - Thiên. Trong Nhân loại có ba: Một. Phân rõ về nhân; Hai. Từ “Hạ phẩm...” trở xuống sơ lược trình bày về quả; Ba. Từ “Giai thi...” trở xuống là trở lại trình bày về Nhân Chủ. Phần một như văn. Nhân vị trong văn phần hai nói là Tứ Luân, trong Câu Xá nói “Vàng, bạc, đồng, thiếc luân, một hai ba bốn châu. Thiết Luân Vương là một châu, cho đến Kim Luân Vương là bốn châu”. Nói đến Luân Vương thì trước tiên thực hành bảy pháp: 1. Cung cấp giúp cho người bần cùng; 2. Cung kính hiếu dưỡng dân chúng; 3. Bốn mùa tám tiết theo lệ tế tự khắp bốn biển; 4. Luôn luôn tu hạnh nhẫn nhục; năm, sáu và bảy loại trừ ba độc. Sau đó tám gọi thọ trai phát thệ... Tiếp là Thần Bảo tự nhiên cảm ứng đầy đủ, Nhân Vương chỉ là đệ nhất trong phước, là đệ nhất của phước cho nên Báo ứng làm Nhân Chủ. Tiếp theo trình bày về địa vị của Thiên tự phân thành chư Thiên tam giới không như nhau, trong đó trước là sơ lược nói về nhân của chư Thiên tam giới; tiếp là chính thức giải thích. Trong giải thích, thứ nhất là Tứ Vương có bốn mươi trú xứ, sơ lược dựa vào kinh Chánh Pháp Niệm xứ trình bày về trú xứ của Tứ Vương. Trì Man Thiên ấy, trong Câu xá nói: “Kiên Thủ và Trì Man, chúng Đại Vương luôn phóng dật, như thứ tự ở bốn bậc, cũng cư trú bảy núi còn lại”. Thân lượng thọ mạng đầy đủ như trong phẩm Thế của Câu Xá. Tứ Thiên Vương ấy, trong Đại Luận nói: “Đề Đầu Lại Tra ở phương Đông, thời Tần nói là Trì Quốc Chủ, Tỳ Lưu Ly ở phương Nam, thời Tần nói là Tăng Trưởng Chủ, Tỳ Lưu Ba Xoa ở phương Tây, thời Tần nói là Tạp Chủ, Tỳ Sa Môn ở phương Bắc, thời Tần nói là Đa Văn Chủ. Bốn vị này Vương Chủ trong bốn thế giới, bốn bậc đều có mười trú xứ, tên gọi của bốn mươi cõi trời này đều từ nhân hạnh mà thành lập”. Tam quy ấy theo trong kinh Hy Hữu so sánh rộng về công đức Tam quy nói: “Giáo hóa Tứ thiên hạ và Lục dục Thiên đạt được bốn quả, không nhiều bằng công đức của ba quy y”. Lại như trong Tăng Nhất A hàm nói: “Có Thiên Tử cõi Đạo Lợi hiện rõ ra năm tướng suy sẽ sanh trong loài heo, vì thế

tiếng lo lắng buồn phiền vang đến Thiên Đế. Thiên Đế nghe thấy rồi gọi đến bảo rằng: Ông có thể quy y Tam Bảo, lập tức như giáo thực hành thì tránh khỏi sanh trong loài heo. Đức Phật thuyết bài kệ rằng: Các chúng sanh quy y Phật không rơi vào ba đường ác, hết phiền não chôn người, trời thì sẽ đến nơi Niết-bàn”. Ba tự quy y đã sinh trưởng thì người trở lại được xuất gia thành tựu hạnh Vô Học. Văn nói mười tiếng vỗ tay, sợ rằng là trước kia trì Tánh giới thêm vào lúc bấy giờ thọ tam quy y tìm đến vào lúc mạng chung cho nên đạt được báo ứng này, dựa vào tâm không tạp loạn cho nên có được tên gọi rõ ràng, Thiên hơn hẳn Luân Vương lý kể ra như vậy mà thôi. Nói gấp mười sáu lần ấy là từ trước tới nay hơn hẳn là quy y. Núi sông chảy ra ấy, trong kinh tất cả đều nói là dòng sông (lưu hà), thậm chí cũng có sông rượu (Tửu hà)... bốn mươi cõi trời này đều cần phải biết tường tận, lấy nhân hạnh đó mà hiểu rõ được tên gọi của quả v.v... “Tuấn nhai” ấy là sông rộng khó vượt qua. Quả mạng là giới thanh tịnh giống như quả. Lại trồng cây ăn quả, tháp phước nhiều nhất rõ ràng là gốc rễ của Sắc, như người trông thấy hoa đều sanh lòng hoan hỷ, lấy nước đập tắt lửa, thực hành đạo Từ bi, hòa hợp sân hận tranh luận vốn là ái dục, thuyết pháp biết cảnh giới sanh thiện, trông thấy ruộng sạch sẽ, sử dụng ý phát sinh tín tâm, làm cho người khác hoan hỷ như đạo chơi vui vẻ. Dựa vào nhân giải thích tên gọi theo đây có thể biết. Nhật hành Thiên ngoại đạo nói là mặt trời... ấy, người ngoại đạo lại cho rằng Sao không lặn ở phương Bắc, lại Lập Thế A-tỳ-đàm có ngoại đạo cho rằng mặt đất thường đi lui không dứt. Đức Phật phá bỏ rằng: Ném vật hướng về phía trước, vật phải hướng về phía sau. Lại có người cho rằng mặt đất luôn luôn rơi xuống. Đức Phật nói: Ném vật hướng lên phía trên nên không đến mặt đất. Có người cho rằng Sao trời không di chuyển mà mặt đất tự động chuyển. Đức Phật nói: Bản tên phải là không đến chân đê. Nhân của Lục dục Thiên phải có đủ mười thiện. Nay nói không giết hại cho đến bảy giới, là tiếp nhận đầy đủ phân trì sở trì tăng thượng cho nên có được tên gọi mà thôi. Thế gian giới ấy là giới cơ hiểm vậy, còn có chư Thiên thọ mạng thân lượng... đầy đủ như trong Câu Xá - Bà Sa, đây là sơ lược biết về thứ bậc địa vị không tiến hành luận bàn nhiều. Trong phần vị Trung Thảo, có hai: 1. Xác định con người để phân định nhân quả; 2. Chính thức giải thích. Trong giải thích có ba: Một. Phá bỏ ý xưa; Hai. Sơ lược nêu ra hai luận; Ba. Giải thích rộng về Hữu môn hai mươi bảy Thánh Hiền ấy, kinh Trung A Hàm ba mươi, phẩm Phước Điền nói: “Trưởng Giả thưa hỏi Đức Phật phước điền có mấy loại? Đức Phật bảo rằng: Người học có

mười tám loại, Vô Học có chín loại. Học có mười tám loại, đó là: Tín hành - Pháp hành - Tín giải - Kiến đắc - Thân chứng gia gia - một chủng tử - hưởng về Sơ quả - Đạt được Sơ quả - hưởng về Nhị quả - Đạt được Nhị quả - Hưởng về Tam quả - đạt được Tam quả, và Ngũ chủng hàm, gọi là Trung - Sanh - Hành - Bất hành - Thượng lưu. Vô học có chín loại: Tư - Tiến - Thối - Bất thối - Bất động - Trú - Hộ - Tuệ - Câu”. Văn Câu Xá giống nhau nên lại chọn lấy làm thành Luận. Trong phần chính thức giải thích, có hai: Trước là nêu ra, tiếp là giải thích. Trong giải thích có hai tức là Nhị thừa vậy. Thứ nhất trong Thanh Văn: Trước là Hiền, sau là Thánh. Trong bậc Hiền có hai: Trước là nêu ra; tiếp là giải thích. Trong giải thích có ba: 1. Giải thích tên gọi; 2. Công năng; 3. Chính thức giải thích. Trong công năng có bảy địa vị Hiền đã sơ lược phân rõ ở trong phần trí Diệu. Nay nói Ái Kiến Tứ Đế ấy chỉ là sở y của Ái Hoặc và Kiến Hoặc, tuy có Ái Kiến mà đều thuộc về Kiến, đầy đủ như trong tám mươi tám Sử giải thích. Trong phần chính thức giải thích, vẫn tự phân làm bảy. Thứ nhất là năm đình Tâm Đối trị năm Chướng, đầy đủ như trong phần Đối trị của Chỉ Quán thứ bảy. Nói Khổ Đế là Sơ môn ấy, văn sau lấy Tập Đế của Bích Chi Phật làm Sơ môn, Khổ Đế của Thanh Văn ở đầu lại bởi vì ban đầu quán về Tứ Niệm xứ. Vô minh của Bích Chi Phật đứng đầu trong nhân duyên, cho nên đầu tiên phá trừ Ái - Thủ - Hữu. Cảnh tổng quát quán tổng quát ấy, là dùng bốn quán cùng quán bốn cảnh. Cảnh phân biệt quán tổng quát ấy, là quán đối với mỗi một cảnh của bốn quán. Cảnh tổng quát quán tách biệt ấy, là dùng mỗi một quán tổng quát quán sát bốn cảnh. Ba lần hai loại biết rõ, Noãn - Đảnh... các văn đã phân rõ trong phần trí. Nay trình bày thứ tự địa vị sơ lược biết mức độ nông sâu nhưng vẫn sơ lược nói về điều ấy. Nếu như muốn biết rộng ra thì nên tìm hiểu trong các Luận. Trong phần bảy bậc Thánh lại có ba: Nêu ra địa vị, giải thích tên gọi, chính thức giải thích. Mở rộng ra đầy đủ như trong Bà Sa, Câu Xá Luận. Nay văn rất sơ lược đủ để phân định nông sâu. Trong phần giải thích tên gọi nói: Khổ nhãn minh phát xả phàm nhập Thánh ấy, là đến Khổ Nhãn rồi theo thứ tự không gián đoạn nhất định tiến vào Sơ quả. Nay thuận theo sau giải thích chung rằng ba Kết, tám mươi tám, Sử bảy Sanh của Thánh nhân như Chỉ Quán thứ sáu ghi lại. Trung Bát phân làm ba, gọi là Tốc, Phi tốc, Cửu trú. Theo Câu Xá Luận tổng quát là chín loại, đó là ba loại đều phân ra ba, gọi là Trung, Sanh và Thượng lưu. Hữu hạnh - Vô hạnh sanh đến Sắc giới rồi mới Bát Niết-bàn đều là Sanh Bát thân nhiếp. Nói Trung Tam ấy, nghĩa là Tốc, Phi tốc, Kinh cửu. Như lửa tóe ra để dụ cho

ba nghĩa suy nghĩ có thể biết, hoàn toàn đối với Trung ấm luận về Tốc, Phi tốc... Sanh Hữu có ba ấy là: 1. Sanh dựa theo Tốc mà thiết lập; 2. Hữu hành dựa theo Phi tốc mà thiết lập; 3. Vô hành dựa theo Kinh cửu mà thiết lập, hoàn toàn sanh đến Sắc giới rồi luận về Tốc, Phi tốc... Thượng lưu có ba: 1. Hoàn toàn vượt lên trên dựa theo Tốc mà thiết lập; 2. Một nửa vượt lên trên dựa theo Phi tốc mà thiết lập; 3. Khấp nơi ẩn đi dựa theo Kinh cửu mà thiết lập. Từ Sắc ban đầu đến Sắc cuối cùng trước sau có ba người không giống nhau như vậy. Ba loại có chín loại như vậy bởi vì Nghiệp, Hoặc, Căn khác nhau. Nói là nghiệp khác nhau, là tạo tác thuận theo Hiện nghiệp trở thành Trung Bát, tạo tác thuận theo Sanh nghiệp trở thành Sanh Bát, tạo tác thuận theo Hậu nghiệp trở thành Thượng lưu Bát. Nói Hoặc có ba: Hạ phẩm Hoặc trở thành Trung Bát, Trung phẩm Hoặc trở thành Sanh Bát. Thượng phẩm Hoặc trở thành Thượng lưu Bát. Nói là căn sai khác: Thượng căn là Trung Bát, Trung căn là Sanh Bát, Hạ căn là Thượng lưu Bát. Đoạn trừ kết phần thượng, phần hạ. Nói năm Thượng phần ấy, gọi là Trạo cử - Mạn - Vô minh - Sắc nhiễm - Vô sắc nhiễm. Nói năm Hạ phần ấy, gọi là Thân Kiến - Giới thủ - Nghi - Tham - Sân. Vì vậy Câu Xá nói: “Bởi vì hai loại không thể vượt qua Dục giới đó là tham - sân, bởi vì ba loại cho nên trở lại phía dưới đó là Thân kiến, Giới thủ và Nghi”. Diệt tận Định như Chỉ Quán quyển thứ chín ghi lại. Thích Luận quyển hai mươi hai giải thích về bốn Song, tám Bối, mười Nhiếp hai mươi bảy, chỉ nói A Na Hàm có mười một loại: năm loại đích thực là A Na Hàm, sáu loại A-la-hán thân nhiếp xưa nay. A Na Hàm có năm loại, sợ rằng là Hiện Bát có một, Trung Bát có ba gọi là Tốc - Phi tốc - Cửu trú, Sanh Bát có 1. Sáu loại A-la-hán xưa nay, gọi là Hữu hành - Vô hành - Toàn siêu, Bán siêu - Biến một - Vô sắc, lại thêm vào Sơ quả hưởng, Sơ quả, Nhị quả hưởng, Nhị quả, Tam quả hưởng, Tam quả làm thành hai mươi bảy. Tỳ Đàm một vạn hai ngàn chín trăm sáu mươi loại ấy, trong Tạp A Đám nói: “A Hàm ấy hoặc là năm cho đến bảy, tám, năm gọi là Tung, Sanh - Hữu hành - Vô hành - Thượng lưu, bảy gọi là ở trong Trung Bát lại phân làm ba như dụ về lửa tóe ra, tám nghĩa là năm loại trên thêm vào Hiện, Vô sắc và Bất định. Tạm thời thuận theo năm loại mà nói thì gọi là Sắc có năm loại, thuận theo căn phân làm mười lăm, nghĩa là Thượng - Trung - Hạ đều có năm. Dựa theo Địa trở thành hai mươi bởi vì bốn Thiên đều có năm; dựa theo Tánh có ba mươi, nghĩa là Thối, Tư, Hộ, Trú, Tiến, Bất động, mỗi chủng tánh đều có năm. Xứ có tám mươi bởi vì từ Phạm Chúng đến Ni Tra là mười sáu xứ đều có năm. Mỗi một loại A Na Hàm

có hai ngàn năm chín mươi hai, vì sao? Bởi vì dựa theo mười sáu xứ trở thành mười sáu người, dựa theo chủng tánh có sáu trở thành sáu lần tăng lên tổng cộng là chín mươi sáu. Dựa theo căn có ba, ba lần tăng lên thành ra hai trăm tám mươi tám. lại dùng chín người xa rời Dục, chín lần tăng lên trở thành hai ngàn năm chín mươi hai người. Một người đã như vậy, năm loại A Na Hàm lại là năm lần tăng lên trở thành một ngàn hai trăm sáu mươi loại”. Văn Luận khó thấy cho nên nay sơ lược đưa ra. Nói chín người xa rời Dục, nghĩa là xa rời chín phẩm Hoặc của Dục giới lấy làm thành chín người. A-la-hán có năm loại ấy, là dựa vào Bà Sa sơ lược giải thích rằng: Nói về Thoái pháp ấy nghĩa là giảm sút sự tư duy về pháp cho nên tâm sinh ra chán ngán. Nói về Tư pháp ấy, là cầm dao muốn tự làm hại mình. Nói về Hộ pháp ấy, là bởi vì đối với pháp đã Giải thoát nên tâm sinh ra yêu thích cố gắng giữ gìn. Nói về Trú pháp ấy là bởi vì không lùi lại không tiến lên. Nói về Tiến pháp ấy là luôn luôn tiến tới đến bất động. Nói về Bất động ấy là an trú vốn không biến động.

Hỏi: Thoái pháp Bất định phải thoái ư, cho đến tiến pháp nhất định phải Tiến sao?

Đáp: Hoặc có người nói không cần phải thoái cho đến không cần phải Tiến. Bởi vì điều này cho nên La hán có năm loại, do đó dấy lên nói rằng thoái không nhất định phải thoái cho đến tiến không nhất định phải tiến.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao gọi là Thối cho đến Tiến?

Đáp: Thoái ấy là tánh thoái, cho đến Tiến ấy là tánh Tiến. Bởi vì có năm loại tánh cho nên La hán có năm loại, và pháp hành là một người gọi là Bất động cho nên có sáu loại A-la-hán vậy. Nếu quả thoái thì liên quan đến Tư Đà Hàm, A Na Hàm cả hai quả cũng mất, đến Sơ quả trú pháp cũng như vậy, trong đời này nhất định đạt được không nghi ngờ gì. Giống như người mạnh khỏe ngã sõng soài giữa đất bằng, quay đầu lại nhìn bốn phía từ xa không có người khác trông thấy mình ngã, không thể ngay lúc ấy có thể tự mình đứng dậy, nhưng cuối cùng đến mạng chung cũng đạt được Vô Học. Đạt được Diệt Định trong nhân của con người chính là tu tánh cùng niệm xứ, lúc đạt đến quả chỉ gọi là người Câu Giải thoát, bởi vì chưa tu duyên niệm cho nên cuối cùng không phải là Vô Nghi Giải thoát. Tận trí ấy nghĩa là thấy Khổ đã đoạn cho đến Đạo cũng như vậy. Vô Sanh trí là không trở lại đoạn gì hơn nữa. Vô học cùng thấy ấy là đạt được bốn trí thế gian cũng gọi là Đẳng trí. Bà Sa nói: “Những việc làm đã làm xong gọi là Tận trí; từ

nhân của Vô học sanh ra, gọi là Vô Sanh trí. Lại đã từng đạt được mà đạt được gọi là Tận trí, chưa từng đạt được mà đạt được gọi là Vô Sanh trí. Lại nói Giải thoát Đạo đã thâm nhiếp gọi là Tận trí, Thắng tiến Đạo đã thâm nhiếp gọi là Tận trí, Thắng tiến Đạo đã thâm nhiếp gọi là Vô Sanh trí. Lại nói Tận trí có năm loại La hán, Vô Sanh trí chỉ có một loại gọi là Bất động”. Đây chính là thuận theo căn không hề luận về Giải thoát Đạo... Vả lại, Vô học cùng thấy ấy là tất cả La hán đều có cái thấy này, tự biết mình là quả vị A-la-hán cùng có cái thấy này cho nên gọi là Đẳng Kiến. Trùng Không Tam muội ấy, gọi là Không Không Tam muội, Vô Tướng Vô Tướng Tam muội, Vô tác Vô tác Tam muội; Không là Thánh pháp trở lại tu hướng về Không tiếp xúc với Thánh pháp trước đây cho nên gọi là Trùng. Sa môn na giả: Sa Môn ở đây nói là Phật (thiếu), Na giả ở đây nói là Đạo. Như Bích Chi Phật lấy Tập Đế làm Sơ môn ấy, là người Tam thừa cùng duyên với Tứ Đế nhưng có khác nhau về tổng biệt. Bởi vì thuận theo nghĩa phương tiện cho nên Sơ môn không như nhau, thuận theo nghĩa Tứ Đế cho nên Khổ Đế là Sơ môn, thuận theo nghĩa mười hai duyên cho nên Tập Đế là Sơ môn, thuận theo nghĩa Lục Độ cho nên Đạo Đế là Sơ môn, hoàn toàn là nghĩa của Tam Tạng giáo vậy. Tam thừa Thông giáo lấy Diệt Đế giới nội là Sơ môn, Bồ tát Biệt giáo lấy Đạo Đế giới ngoại làm Sơ môn, Bồ tát Viên giáo lấy Diệt Đế giới ngoại, Lục Độ, duyên khởi và người thừa chê trách Tiểu thừa trong Tam tạng giáo đầy đủ như Chỉ Quán thứ ba ghi lại. Đối với Bồ tát bên Tam Tạng giáo, phần làm hai: 1. Lập môn; 2. Trình bày phần vị, phân làm ba: Một. Phần vị Tam kỳ; Hai. Phần vị Bách kiếp; Ba; Phần vị Phật quả. Ở trong phần vị phàm Thánh như văn, đầy đủ như Chỉ Quán ghi lại. Tiếp là Tam thừa Thông giáo chung phần vị phân làm hai: Thứ nhất trình bày về Tam thừa đồng dị, thứ hai chính thức trình bày về phần vị, văn tự phân làm hai: 1. Cùng chung phần vị như trước; 2. Nghĩa ấy văn tự phân làm hai. Trong hai phần trước có hai: Một. Trình bày về ý thiết lập phần vị; Hai. Từ “Can Tuệ...” trở xuống là chính thức giải thích. Văn phần đầu lại có hai: Trước là dựa vào văn, tiếp là ý thiết lập. Tiếp đến chính thức giải thích ấy, văn tương có phần mở rộng từ trong Chỉ Quán, nếu đọc văn ấy cần phải biết ý này, trong đó có hai: Trước tiên giải thích; sau là kết luận phân định. Trong giải thích tự phân làm mười. Thứ nhất là Can Tuệ Địa phân làm bốn: 1. Ý cùng thiết lập thông suốt; 2. Từ “Nhi Bồ tát...” trở xuống là ý thiết lập riêng biệt; 3. Giải thích về tướng của Bốn hoàng; 4. Từ “Tùng thị vi...” trở xuống là phân rõ sai khác.

Trong phần giải thích về Bốn hoàng, mở rộng hoàng thế thứ nhất, ba hoàng thế tiếp theo là tóm lược. Hoàng thế thứ nhất lại có hai: Một. Giải thích; Hai. Dẫn chứng. Thứ hai trong phần Tánh Địa, có ba: Một. Ý cùng thiết lập; Hai. Từ “Nhi Bồ tát...” trở xuống giải thích về hành tướng thiết lập ý tách biệt; Ba. Từ “Như Tam Tạng...” trở xuống là phân định phần vị để phân rõ sai khác. Tiếp là tám người Kiến Địa, phân làm ba: Một, Ý cùng thiết lập; Hai, Từ “Nhi Bồ tát...” trở xuống là chính thức giải thích; Ba, Từ “Hà giả...” trở xuống là trình bày nguyên cơ thiết lập Nhân. Tiếp từ “Phục thứ...” trở xuống là trình bày về Bạc Địa phân làm ba: Một. Ý cùng thiết lập; Hai. Từ “Nhi Nhị thừa...” trở xuống là chỉ bốn trích Nhị thừa; Ba. Từ “Bồ tát...” trở xuống là chính thức giải thích. Nói là du hí thần thông đầy đủ như Chỉ Quán quyển thứ năm ghi lại. Tiếp từ “A Na Hàm...” trở xuống là trình bày về Ly Dục Địa phân làm 4: Một. Ý cùng thiết lập; Hai. Chỉ bốn trích Nhị thừa; Ba. Từ “Bồ tát năng...” trở xuống là chính thức giải thích; Bốn. Từ “Sở dĩ...” trở xuống là trình bày nguyên cơ thiết lập Địa để phân rõ tướng không giống nhau. Ba phần đầu như văn. Trong phần phân rõ tướng không giống nhau, có hai: Đầu là trình bày về quán Đệ dùng trí không như nhau; tiếp từ “Cổ Đại Luận...” trở xuống là dẫn Luận chứng minh tên gọi Bồ tát thành lập. Tiếp theo từ A-la-hán Địa trở đi trình bày về Dĩ Biện Địa phân làm hai: Một. Phân rõ khác nhau; Hai. Dẫn chứng. Tiếp theo từ “Bích Chi Phật...” trở xuống là trình bày về Bích Chi Phật Địa, chỉ ra giống như La hán cho nên nói: Cũng như vậy. Tiếp theo trình bày về Bồ tát Địa phân làm bốn: Một. Sơ lược thiết lập; Hai. Sơ lược phân rõ; Ba. Từ “Thị đắc...” trở xuống là sơ lược giải thích, mười Địa giống như được gọi là Bồ tát lại gọi là Phật Địa ấy, bởi vì gần Phật Địa có tên gọi của Bồ tát Địa, vì thế biết rằng trước sau đều có phần vị Bồ tát, cho nên nói ngoài ra vì Bồ tát; Bốn. Từ “Tê thử...” trở xuống là phân rõ về Tận - Bất tận. Tiếp theo từ “Quán Bồ tát...” trở xuống là giải thích về Phật Địa, phân làm hai: Một. Sơ lược thiết lập; Hai. Từ “Ngũ tướng...” trở xuống là phân rõ khác nhau, trong đó có ba loại khác nhau. Trong Niết-bàn khác nhau nói giữ lại xá lợi, ấy là nếu như về sau trong Bốn môn Thông Phật cũng nói cùng đi vào Khôi Đoạn, vốn là hai nghĩa Bất định của đương giáo, bởi vì Bồ tát lợi, độn đã thấy không như nhau. Tiếp là chọn lấy tên gọi sai khác mà nghĩa nối thông và vì Bồ tát thiết lập tên gọi về Nhận... đầy đủ như Chỉ Quán quyển thứ sáu ghi lại. Nay văn lại phân làm hai: Thứ nhất giải thích, thứ hai liệu giản. Văn thứ nhất phân làm bốn: Một. Ý hướng đến; Hai. Nêu phần vị phân biệt; Ba. So sánh phần vị; Bốn. Từ

“Thị tắc...” trở xuống là kết luận. Hai phần đầu như văn. Phần ba trong so sánh phần vị, chín địa trước như văn, cuối cùng trong Phật Địa thì đề là dựa vào văn trước, mười Địa Thông giáo đối với Biệt chỉ gọi là Bồ tát Địa, tiếp từ “Thử Phật...” trở xuống là cùng với Tam Tạng giáo phân rõ về đồng - dị. Nói rằng Tam Tạng Phật một ngày ba thời soi chiếu cơ duyên, trong các bộ A Hàm và Đại Luận đều có giải thích vấn đề này. Nói rằng Phật một ngày ba thời nhập định cầu tìm căn cơ có thể hóa độ, bởi vì dựa theo Giáo môn thì không có thể luôn luôn trông thấy. Cũng như trong kinh Ma Da, “A Nan gần ở đằng sau mà thường hỏi rằng: A Nan nay là ở nơi nào? Lại hỏi: Kỳ Hoàn vì sao nhiều quạ nhỏ? Gần kê hãy còn tự mình không biết há có thể tùy ý vận dụng thường biết rõ ư?” Tiếp trong phần liệu giản đầu là hỏi có thể hiểu. Trong phần trả lời trình bày về phần vị Thông giáo này thì giáo tướng rất khác nhau khiến cho mọi người đều dựa vào một con đường, trong đó có hai: 1. Kiến; 2. Tư. Trong phần một có ba: Một. Đưa ra đồng - dị; Hai. Từ “Đản Thông giáo...” trở xuống là chất vấn; Ba. Từ “Nhược đoạn...” trở xuống là từ ngoài vào trong. Tiếp trong phần Tư Hoặc, có hai: Một. Đưa ra sai khác; Hai. Bao gồm phân định tổng quát trước đây. Sơ lược nói rằng không thể chấp trước, là nghĩa chung không thể nào phân định chắc chắn, bởi vì Giáo môn Lợi Tha vốn là thời gian dài mà căn cứ lại lẫn tạp, cho nên như vậy. Tiếp trong phần hỏi đáp, có ba: Một. Sơ lược phân định; Hai. Từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích; Ba. Từ “Thử nãi...” trở xuống là chính thức phân định. Tiếp theo hỏi, là hỏi ba chỗ trong Đại Luận trình bày về Tiêu Trụ... ấy, gọi là Can Tuệ Địa, Sơ Địa, Sơ Trụ; Đại Luận quyển bốn mươi tám trình bày về quán môn bốn mươi hai chữ tức là từ Sơ Trụ trở lên vậy, Đại Luận quyển bốn mươi chín trình bày về Bồ tát bắt đầu từ Hoan Hỷ Địa cho đến Pháp Vân Địa trình bày nhiều về tu tập Đối trị Hoặc nghiệp của Địa. Tiếp theo văn sau này thì nói: lại nữa Địa có hai loại: Một là chỉ có Bồ tát Địa; Hai là cùng chung Bồ tát Địa, đó gọi là Can Tuệ Địa cho đến Phật Địa, cho nên biết là Tam giáo rõ rồi. Vì vậy biết ý hỏi trong này cùng với Chỉ Quán hình như có phần sai khác, ở đây dùng Tam giáo làm câu hỏi, Kiến Địa Tiêu Trụ thiết lập mà không luận đến. Nếu đạt được ý trong này thì văn Chỉ Quán rõ ràng tự phân biệt. Tiếp theo hỏi người lợi căn thuận theo không có Thập Địa, là ý hỏi rằng người lợi căn đã ở tại Sơ Địa đoạn trừ kiến hoặc, thuận theo Địa thứ hai cho đến Địa thứ tư đoạn trừ tư hoặc, Địa thứ sáu, thứ bảy thành Phật, vậy thì không có Thập Địa chăng? Ý trả lời là Giáo môn vốn có đủ, đối với người lợi căn không hạn định, chỉ giống như vượt lên

trên quả đạt được A-la-hán có thể khiến cho ba quả còn lại cũng không có người nào hay sao? Tiếp theo ý hỏi là Biệt - Viên giáo nếu như có người lợi căn thì thuận theo ở Địa Tiên - Trú Tiên tiêu trụ ư? Ý trả lời là tuy có lợi, độn đoạn trừ nhưng phần vị nhất định phải theo thứ tự. Phần vị tách biệt là Đại Thụ ấy phân làm ba: Nêu ra chương, xếp vào môn. Chính thức giải thích. Hai phần đầu như văn. Trong giải thích có ba. Phần đầu lại phân làm sáu: 1. Đạt được tên gọi; 2. Phần vị pháp sở y; 3. Từ “Vô lượng...” trở xuống là nêu ra tất cả; 4. Từ “Biệt giáo...” trở xuống là phân định; 5. Từ “Nhiên...” trở xuống là phân định gần kề và chính thức; 6. Từ “Ký hữu...” trở xuống là kết luận nêu ra không như nhau. Hai phần trước có thể biết. Phần ba trong nêu ra tất cả, có ba: Một. Nêu ra bốn giáo; Hai. Từ “Hữu Vô lượng...” trở xuống là nêu ra bốn pháp; Ba. Từ “Vân hà...” trở xuống là giải thích về bốn pháp. Hai phần đầu như văn. Ý giải thích là nguyên cơ bốn giáo đoạn trừ và điều phục đều gọi là Vô lượng, hoặc là đoạn trừ hay là điều phục thì tướng trạng không phải là một cho nên gọi chung như vậy, bởi vì trong này đều dựa theo Bồ tát. Đầu tiên như Tam Tạng giáo nói điều phục kiến tứ tức là chỉ cho Bồ tát, nay trình bày về Vô lượng phần nhiều thuộc về Xuất Giả, cho nên tạm thời xếp vào Nhị thừa. Trong Thông giáo cũng dựa vào Xuất Giả, trợ giúp nghĩa là trợ giúp Biệt giáo. Trong Biệt giáo nói Tứ Đế nội ngoại ấy, nên biết rằng người Biệt giáo có đủ bốn loại Tứ Đế. Nói chính là có nghĩa đoạn trừ vô minh ấy, nếu dựa vào trước sau tuy Đăng Địa đoạn trừ, mà đã Chứng Đạo giống như Viên giáo nên biết rằng Giáo Đạo có nghĩa đoạn trừ mà thôi. Vì vậy nay thuận theo Sự tạm thời phân định Địa Tiên thuộc về Biệt giáo thì trong Hội Hưởng điều phục hưởng về lý Viên giáo cho nên có được tên gọi là Sự. Người Viên giáo phá trừ vô minh thì phần vị lớn lên cho nên chỉ rõ từ Sơ Trú trở đi lấy đó làm Vô lượng. Phần bốn là phân định. Phần năm là gần kề và chính thức, là dựa theo Biệt giáo từ đầu đến cuối để phân định có thể biết. Trong phần sáu kết luận nêu ra đồng - dị, có hai: Thứ nhất sơ lược nêu ra, thứ hai từ “Nhược Hoa Nghiêm...” trở xuống là nêu ra Giáo khác nhau, trong đó phân làm ba: Một. Nêu ra Giáo; Hai. Từ “Hựu đoạn...” trở xuống là trình bày về giáo tướng không như nhau; Ba. Từ “Sở dĩ nhiên giả...” trở xuống là trình bày về ý không như nhau. Phần một lại có hai: Trước là Kinh, tiếp là Luận. Trong Thập Địa Luận chỉ giải thích về phẩm Thập Địa kinh Hoa Nghiêm, Nhiếp Đại thừa Luận quyển thứ bảy giải thích trong Nhân Quả Thắng Tướng thứ tư cũng chỉ trình bày về Hoan Hỷ Địa cùng Thập Địa mà thôi. Trong kinh Địa Trì trình bày

về sáu phần vị thuộc các chủng tánh, như Chỉ Quán thứ năm đã dẫn văn Luận. Thập Trú Bà Sa, văn phần đầu chỉ trình bày về Thập Địa mà thôi. Tiếp là giải thích về tướng của Địa của không có các phần vị, Đại Luận sơ lược đưa ra văn Thông - Biệt chỉ bốn trích dẫn ví dụ, cho nên biết các Luận trình bày về phần vị rất sơ lược. Tiếp theo trình bày về giáo tướng đoạn trừ và điều phục không như nhau, giống như văn. Trong phần ba trình bày về ý, có hai: 1. Trình bày về Đại ý của Thánh giáo; 2. Từ “Kim nhược...” trở xuống là trình bày về tông phái này sử dụng ý của Thánh giáo, lại có bốn: Một. Tổng quát nêu ra Đại ý, ý ở sự giúp đỡ thành tựu sơ tâm cho người thực hành đi vào đạo hợp với ý chính xác. Nếu không có phần vị thứ tự thì lấy gì để nghe thấy hiền đức mà nghĩ rằng làm cho như nhau? Lấy gì để vượt qua tội lỗi tăng thượng mạn? Nếu như hưởng đến căn cơ mà khác biện pháp thì làm sao phù hợp với sự vui mừng của họ được? Vì vậy sử dụng những phương tiện phối hợp không giống nhau như trên. Nếu như vì thành tựu giáo quán cho hàng sơ tâm thì vì thế tạm thời sử dụng ba kinh. Hai. Từ “Chư Thánh...” trở xuống là nhắc nhở khuyến khích tu hành; Ba. Từ “Kim phán...” trở xuống là chính thức nêu ra ý sử dụng ba kinh. Vì vậy tông phái này không giống như người thế gian giải thích kinh luận chỉ dựa vào pháp tướng nêu ra phần vị mà thôi. Nay một tông phái nói về phần vị tách biệt nếu không dựa vào kinh Anh Lạc thì phần vị không có trước sau, nếu không dựa vào kinh Đại Phẩm thì các phần vị hoàn toàn không có Đoạn Hoặc cao thấp, Dụng Quán phân chia như nhau, nếu không dựa vào kinh Niết-bàn thì nguyện hạnh nông sâu, tướng trạng xa gần của Bồ tát không làm sao biết được, ba kinh phối hợp ý chỉ của Phật không hề sai lạc. Bốn. Giải thích ba văn tự phân làm ba: Thứ nhất là dựa theo trong kinh Anh Lạc Nhân Vương nói bốn thời Bát-nhã trước đây, xưa phân định Bát-nhã tổng quát có năm thời: 1. Ma Ha; 2. Kim Cang; 3. Thiên Vương; 4. Quang Tán; 5. Nhân Vương. Ở đây cũng không thể sử dụng toàn bộ, tuy rằng Ma Ha quy định ở trước Nhân Vương, vì sao biết như vậy? Bởi vì Nhân Vương nói “Như Lai thành đạo năm hai mươi chín tuổi trước tiên đã thuyết Ma Ha Bát-nhã cho tôi”, cho nên biết Nhân Vương rõ ràng là ở sau rồi. Nế như kinh Quang Tán theo mục lục các kinh, vào ngày 23 tháng 4 năm Hoàng Thỉ thứ năm dịch Đại Phẩm hoàn tất thành hai mươi bảy cuốn là vậy. Về sau Trúc Pháp Hộ vào thời Tấn Thái Khang nguyên niên dịch phần đầu (Thượng dật) làm Quang Tán, còn Chu Sĩ Hoàn dịch làm hai mươi cuốn gọi là Quang Tán Bát-nhã. La Thập lại dịch tiếp lần nữa làm thành mười cuốn gọi là Tiểu Phẩm,

Chi Sấm lại dịch thành mười cuốn gọi là Đạo Hành. Lại có người dịch làm năm cuốn gọi là Đại Minh Độ. Lại có người dịch sơ lược Quang Tán gọi là Đại Minh Độ. Lại có người dịch sơ lược Quang Tán gọi là Đại trí Vô Cực. Lại có người dịch gọi là Đại Phẩm. Nên biết rằng Quang Tán chỉ là phần đầu của Đại Phẩm mà người đời sau dịch ra khác nhau, cho nên không thể dùng để phân biệt nghĩa của thời; bởi vì nghĩa này cho nên cùng với Nhân Vương - Thiên Vương mà làm thứ tự thì không thể sử dụng toàn bộ. Ý Pháp Hoa tuy thâm nhiếp đầy đủ mà tên gọi phần vị không rõ ràng cho nên chỉ sử dụng hai kinh. Nói rằng kinh Địa Trì có chín loại giới định tuệ ấy, văn Luận đã nói Lục Độ đều là chín. Nay chỉ nói là ba thì hoặc là lấy ba thâm nhiếp sáu, hoặc là sơ lược nêu ra ba loại chủ yếu, nhưng mà công dụng của các phần vị, nguyện hạnh pháp tướng, phẩm loại đoạn hoặc, thích hợp căn cơ có rộng hẹp, dựa vào quốc độ tịnh uế thị hiện Tích môn nhiều ít, Chân ứng hơn kém đối với pháp môn tương xứng... Không thể nào nêu ra đầy đủ được. Vì vậy văn này chỉ trình bày một biện pháp cho nên không cần phải trình bày nhiều về pháp tướng. Nay thuận theo Thể của văn cũng không vòng vo tìm nhiều kinh Luận sợ rằng thêm hỗn tạp cho nguyên văn, vì vậy biết rằng dựa vào văn tướng này đủ để phân rõ Quyền - Thật. Tiếp trong phần tổng quát trình bày về phần vị cũng dựa theo ba kinh: Trước là nêu ra; tiếp là giải thích. Trong giải thích có hai: 1. Dựa theo kinh Anh Lạc là nêu ra giải thích; 2. Dựa vào kinh Đại Phẩm trình bày về ba quán.

Hỏi: Nay trong văn này lấy bốn nghĩa này để so sánh ba quán cùng với trong Đại Luận giải thích về những loại tổng biệt trong nhân, tổng biệt trong quả..., có gì sai biệt?

Đáp: Ngôn từ khác nhau mà nghĩa lý như nhau, vì sao? Bởi vì Không - Giả là nhân, Trung đạo là quả, từ Giả đi vào Không là tổng tướng trong nhân, từ Không đi vào Giả là Biệt tướng trong nhân, người Biệt giáo tu Trung đạo ban đầu chỉ có tổng tướng là tổng trong quả, nếu như đi vào Sơ Địa cùng soi chiếu hai Đế là biệt trong quả. Nên biết rằng bốn nghĩa cùng với ba Đế không khác nhau. Giải thích tách biệt về bảy phần vị, nhưng trong kinh Anh Lạc trình bày về sáu chủng tánh bao gồm Trú Tiên Tín Vị làm thành bảy. Sáu phần vị trong kinh Anh Lạc đó là Thập Trú là Tập Chủng Tánh, Thập Hạnh là tánh chủng tánh, Thập Địa là Thánh chủng tánh, Đẳng Giác tánh, Diệu Giác tánh, nên hướng vào trong bốn Giáo căn bản để tìm hiểu.

Phần vị của ba Thảo hai Mộc xong. Tiếp theo trình bày về phần

vị Thập nhất tức là thứ tự phần vị đã sinh ra từ một Địa. Vì vậy trước đây thuộc về ba Giáo và dùng phần Vị nhân Thiên, nay chỉ thuộc về Viên giáo. Nếu như không đến Pháp Hoa khai mở và hiển bày, thì làm sao biết sinh ra từ một Địa, ở một Phật Thừa phân biệt nói ra thành ba Thừa, là nói đến điều này vậy. Vì thế biết rằng ba Thảo hai Mộc đều gọi là tự lập, gặp trận mưa một vị như nhau mới biết là sinh ra từ một mặt đất. Như gã Cùng Tử kia đến lúc cha lâm chung mới biết đó là cha mình, vì vậy cần phải trình bày về một phần vị Chân Thật. Vì làm cho nhận biết người cha, do đó cần phải trình bày các phần vị Quyền Biến trước đây. Trong đó trước là nêu ra, tiếp là giải thích. Trong giải thích vẫn tự khai mở làm thành mười ý. Thứ nhất nêu ra mười ý, tuy là cùng giải thích về Viên môn nhưng không thể không có đôi chút khác nhau. Bốn ý đầu tiên và ý thứ mười là chính thức giải thích về phần vị Viên giáo, năm ý còn lại dựa vào đây để trình bày, tại vì sao? Bởi vì ở đây đã trình bày chỉ riêng phần vị của một Thật, không hợp lại tức là trình bày về các văn Thô - Diệu, cho nên các văn này phải hợp vào văn Diệu Hạnh sau Vị Diệu nêu ra ở đầu chương, thuận theo nói một là trình bày về các phần vị, hai là trình bày về Thô - Diệu và các loại hưng phế khai hiển... Nay đến nơi này, muốn tiếp tục trở lại cùng với phần vị Quyền so sánh quyết định và khai mở hiển bày phần vị thô ấy, cho nên trước đã giải thích xong lại phân định Thô - Diệu và khai mở hiển bày...

Hỏi: Nay ở đây là đầu tiên dựa theo ba giáo Thông - Biệt - Viên có ba câu liệu giản đến kết luận thì văn đã nói là cùng với Thông như nhau, trong liệu giản thứ nhất, vì sao không so sánh Tam Tạng Gió để giản lược vậy?

Đáp: Một. Thông là Đại thừa sơ môn, cho nên có thể đưa vào phần sau; Hai. Hai nơi tên gọi La-hán như nhau, cho nên đầu tiên so sánh với Thông giáo rồi sau đó sẽ bao gồm Tạng giáo. Thứ tự mười chương này, thì lý tuy là không có tên gọi mà lý dựa vào tên gọi để biểu hiện, dưới tên gọi có nghĩa mới biểu hiện rõ đối tượng giải thích, trên có nghĩa tên gọi mới biết giải thích có khác nhau, cho nên danh nghĩa của một chương ở vào nơi đầu tiên. Đã biết danh nghĩa của Viên môn, tiếp theo phân rõ địa vị số lượng của giải thích, mới nhận biết phần vị của Viên giáo khai hợp khác nhau. Tuy biết địa vị số lượng mà địa vị số lượng căn bản là phân biệt đoạn trừ và điều phục. Nếu như không nhận biết thì chỉ có giả thiết nào ích gì? Vì vậy tiếp theo trình bày về đoạn trừ và điều phục. Đã biết đoạn trừ và điều phục thì phải trình bày về công dụng khác nhau của đoạn trừ và điều phục. Đã biết công dụng đoạn trừ

và điều phục của Viên môn, nếu như không hướng về các phần vị trước đều là thô thì làm sao biết được phần vị này là đệ nhất trong các phần vị đã biết về thô Diệu, sao không hoàn toàn nói về phần vị của một thật, sao phải sử dụng các phần vị thô từ trước đến nay vậy? Nên biết rằng thô Diệu đều là duyên khởi lên, duyên đã liên tục khởi lên, thì sự cần phải liên tục phế bỏ. Giáo trước Pháp Hoa liên tục dấy lên liên tục phế bỏ, dựa theo con người tuy là phế bỏ mà pháp ấy vẫn tồn tại, hướng là Đại Tiểu cùng phát khởi được lợi ích không như nhau. Hoặc là hiển hay là mật ngay nơi chỗ ngồi đã khác nguồn gốc, hoặc là ngang hay là dọc thì pháp vị đã lên xuống khác nhau. Thời cơ thuận thực giáo hóa cuối cùng đều hội tụ về Pháp Hoa, căn duyên đã như nhau thuận theo Tích môn không có gì sai khác, các phần vị thô đến đây thì Diệu lý này bình đẳng, vì vậy cần phải có tướng khai mở và hiển bày. Tuy bắt đầu từ thiết lập danh nghĩa cuối cùng đến khai mở Quyền, mà lý của các phần vị Quyền Thật cần phải có bằng cứ. Tuy không thể khẳng định chắc chắn mà có trước có sau, đó chỉ riêng phần vị Thánh nhân. Đã là bổn ý của Phật thì không thể không phân rõ tướng tận Đại Thể ấy. Vì vậy dùng mười Môn bao quát đối với một thời hóa độ, mới hiểu rõ ý phần vị Diệu của Pháp Hoa. Trong đó trước là giải thích về danh nghĩa, có hai: thứ nhất dựa vào văn sau; thứ hai phân rõ ý này, lại có hai: Một. Nêu rõ ba ý; Hai. Giải thích. Trong giải thích tự phân ba. Nay giải thích trong ý thứ nhất, có hai: Trước là thuật lại, tiếp là giải thích. Trong thuật lại, trước là thuật về hai tên gọi cùng với giáo Tiểu thừa như nhau, tiếp là kết luận. Tiếp từ “Hà giả...” trở xuống là giải thích. Trong giải thích, trước là giải thích tên gọi thứ nhất, kinh chỉ thuật về tên gọi Ứng Cúng. Nay dùng đầy đủ ba nghĩa trong quả vị La-hán để giải thích, trong mỗi một văn đều dùng Thiên giáo hiển bày Viên giáo. Nói ba loại ý ấm ấy, Nhị thừa ở một trong ba loại ấy. Nay nói chung về ý ấm, cho nên nói là ba loại, không phải nói là Nhị thừa có đủ cả ba loại. Nói ý Ấm ấy là dựa vào ý sanh ra Ấm gọi là Ý Ấm, lại tác ý sanh ra ấm gọi là Ý Ấm, và ý tức là ấm gọi là Ý Ấm. Hai ý trước giải thích thuận theo nhân được tên gọi, một ý sau giải thích thuận theo quả được tên gọi. Vả lại, tuy gọi là Ý ấm nhưng cũng có thể có đủ năm loại tại sao? Bởi vì Phật hã còn đầy đủ năm loại như Thường Sắc..., hướng là người ở trong nhân vị ư? Chỉ vì trong giáo Tiểu thừa không nói giới ngoại lại có Sanh xứ, nhưng mà không biết giáo hã còn nói Diệt tâm, hướng là đối với Sắc ư? Kinh Tịnh Danh nói: “Những người cung cấp cho ông...”, đây là mượn lời ngăn trở của Tịnh Danh, kinh ấy ngăn trở giống như đối với cảnh Bi,

nên biết rằng nghĩa Ứng Cúng của Thanh văn thuộc về Thiên giáo. Tiếp là giải thích tên gọi sau có thể biết. Tiếp theo giải thích về danh Biệt - nghĩa Viên, năm mươi hai tên gọi không khác với Biệt, từ đầu đến cuối quán Viên và chứng Viên; cuối quyển thứ sáu Chỉ Quán nói dựa vào thấp thành tự cao, là nói về điều này. Tiếp theo danh và nghĩa đều là Viên, từ đầu đến cuối chỉ là Phật nhân - Phật trí. Nói rằng nhập thất... ấy, đều là nói đến Như Lai cho nên biết tên gọi là Viên. Đã nói các pháp Không tòa, thì thất của Như Lai trang nghiêm bằng Đại Từ bi cho nên biết nghĩa về Viên. Tiếp theo trình bày về địa vị số lượng, như danh nghĩa đều là Viên Trung, tuy cùng lấy Phật trí kiến mà nói rằng đó là đều. Nhưng các giáo Đại lượng cần phải hiểu rõ số lượng phần vị mới có thể dẫn lối cho người thực hành khởi tâm mong mỏi. Trong đó có hai: Trước là nêu ra, tiếp là giải thích. Trong giải thích tự phân ba. Trước là trong phần giải thích về Số, có bốn: 1. Nêu ra Sư xưa; 2. Từ “Kim vị...” trở xuống là gạt bỏ ý xưa; 3. Từ “Hựu hữu...” trở xuống là thuật lại pháp bỏ; 4. Từ “Luận chư...” trở xuống là chính thức trình bày ý hiện tại. Thứ nhất là ý Sư, cùng nêu ra văn không có phần vị, hoặc là nảy sinh kiến giải chủ quan không phù hợp với cách thức chung, hoặc là dẫn ra văn kinh, không hiểu ý tách biệt của Thánh giả, vì vậy cần phải phá bỏ. Đốn ngộ sơ tâm chính là cứu cánh, nhưng mà trong Hoa Nghiêm thì phần vị bao gồm Viên - Biệt, người không thông hiểu về ý phần vị của hai Giáo, lại không thông hiểu về phần vị Viên giáo từ đầu đến cuối, trực chỉ sơ tâm lấy làm Diệu Giác, chỉ chú trọng vào pháp môn Đốn ngộ mau chóng thành Phật, mới thành ra phần vị sau Viên giáo chỉ là thi thiết, cùng trở thành sai lầm nghiêm trọng đối với giáo pháp của Phật, do đó dựa vào sự phân định xưa kia đích thực là không thích hợp. Tiếp trong phần gạt bỏ, có ba: Thứ nhất trong phần tổng quát gạt bỏ nói đều là thiên lệch ấy, là dựa theo Lý thì chứng pháp không có tên gọi, dựa theo Sự thì không thể không có các phần vị, cho nên biết các Sư chỉ thuận theo Lý mà nói. Thứ hai từ “Nhiên...” trở xuống là tách biệt thuật về ý chất vấn. Ba Sư trước đều nói là Đốn Ngộ, cho nên tổng quát dùng một Đốn Ngộ gạt bỏ Sự trích dẫn kinh văn sai ý chỉ thì lý ấy tự nhiên không trọn vẹn. Vì vậy biết rằng Ngộ tức là Sơ Trú, chưa Ngộ tức là Trú Tiền. Đã thừa nhận có Ngộ và không Ngộ, thì ngại gì hai phần vị đều có nông sâu, mới thành ra năm mươi hai phần vị như vậy. Thứ ba từ “Cứu cánh...” trở xuống là dẫn kinh bộ đã trình bày đều có hai ý, như thế nào chỉ dùng ý không có phần vị để nói vậy? Tiếp trong phần thuật lại, có hai: Trước là thuật lại, tiếp là chất vấn. Văn phần đầu, ý Sư này là bao

gồm gạt bỏ ba Sư trước, cho nên thiết lập ngôn từ chắc chắn. Tiếp từ “Kim lệ...” trở xuống là dùng kiến giải chứng được để chất vấn, lại có ba: Một. Chính thức nêu ra chứng được lý Quyền - Thật; Hai. Dẫn Đại Luận ví dụ; Ba. Dẫn Phổ Hiền Quán chứng minh. Phần một như văn. Trong phần dẫn Đại Luận, có hai: Trước là dẫn luận, tiếp là ví dụ ý Luận, nói là sông biển cạn sâu. Dẫn Phổ Hiền Quán nói: Nhân tố Đại thừa có nhiều loại, tuy đều là Thật Tướng mà nhân quả rõ ràng, nếu như có nhân quả thì có nông sâu, như trong Chỉ Quán và bốn câu liệu giản về Viên Tiệm, Tiệm Viên trong văn dưới đây, thì Tiệm của Viên giáo vắng lặng có thể biết. Tiếp là chính thức trình bày ý hiện tại, phân làm ba: Một. Tổng quát thuật về ý sử dụng phần vị; Hai. Từ “Hoàn ước...” trở xuống là nêu ra số lượng phần vị; Ba. Từ “Kim ư...” trở xuống là giải thích. Văn phần một nói tùy thuận khế kinh, ấy là pháp Phật đã thuyết ra hợp với Giáo, căn, lý chính là như phù hợp với nhau cho nên gọi là khế kinh. Phật hãy còn thuận theo căn cơ để thuyết về các phần vị, thì người hoằng giáo trong thời kỳ mật pháp cần phải thuận theo lời Thánh, nếu không như vậy thì tại sao Như Lai vì hạng phàm phu hèn kém này thuyết ra tất cả các phần vị? Do đó biết rằng đều là khiến cho chúng sanh nghe thấy phần vị, hoan hỷ sanh thiện phá trừ ác nghiệp phát khởi chân thật, tức là trình bày về ý lợi ích của phần vị. Cho nên nay dựa vào các giáo đã dẫn ra như dưới đây vậy. Tiếp là nêu ra có thể thấy. Phần ba trong phần giải thích có hai: 1. Thuật về văn này đã thiết lập; 2. Giải thích rộng về các phần vị. Văn phần một trước đã thuật rõ, tiếp là giải thích. Trong giải thích, trước là Đại sư, tiếp là Tư Thích (giải thích riêng). Văn trước phân làm ba: Một. Chính thức giải thích; Hai. Từ “Như thử...” trở xuống là kết luận ca ngợi; Ba. Từ “Nhược dục...” trở xuống là quyết định phần vị. Phần một tự phân làm năm. Thứ nhất là phẩm văn, lại có hai: Trước là thuật về cảnh tức là nghe Viên giáo mà khởi tin. Trong một mảy trần có quyển kinh Đại Thiên, như Chỉ Quán quyển thứ ba ghi lại. Tiếp từ “Dục khai...” trở xuống là dựa vào Tín phát khởi Hạnh, lại có hai: Trước là chính thức trình bày về pháp hành của mười Thừa, tiếp từ “Cử...” trở xuống là kết thúc nêu ra phần vị. Văn phần trước lại có ba: Một. Tổng quát trình bày về ý hành; Hai. Từ “Viên hành giả...” trở xuống là tổng quát nêu ra hành tướng; Ba. Từ “Lược ngôn...” trở xuống là tách biệt nêu ra hành tướng. Trước là nêu ra số. Tiếp là nêu ra Viên hạnh làm mười loại, tức là mười pháp thành Thừa, luận rộng ra như Chỉ Quán đầu quyển thứ năm đến cuối quyển thứ bảy. Nay ý chính ở đây luận về Giáo môn, do đó văn tướng quán pháp có

phần sơ lược cho nên chỉ nêu ra đại khái, cùng với ba giáo trước để làm so sánh quyết định, hiển bày ý viên mãn của kinh. Tiếp từ “Hành giả...” trở xuống là trình bày phẩm thứ hai, trong đó phân làm bốn: Một. Chính thức trình bày về tướng phẩm thứ hai; Hai. Từ “Nội ngoại...” trở xuống là trình bày mười quán trong phẩm thứ hai; Ba. Từ “Kim Cang...” trở xuống là dẫn chứng; Bốn. Từ “Văn hữu...” trở xuống là kết luận phần vị. Hai phần đầu như văn. Văn dẫn chứng có ba: 1. Dẫn kinh Kim Cang để chứng minh chủ thể giúp đỡ; 2. Nêu ra phẩm sau giúp cho phẩm trước; 3. Dẫn Di Lặc Luận để chứng minh lực Đại của chủ thể giúp đỡ. Luận nói đối với Thật gọi là Liễu Nhân... là ý Tụng chính thức trình bày về đọc tụng Bát-nhã giúp đỡ cho Thật Tướng, vì vậy trì tụng gọi là Liễu Nhân, cho nên nói là đối với Thật. Ngoài ra làm cho phải thuận phục, chỉ gọi là Sanh Nhân. Sanh Nhân ấy là nhân hữu lậu, cho nên nói là đối với phước còn lại. Không hưởng đến Bồ-đề, hai chủ thể hưởng đến Bồ-đề, ấy là phước bố thí bảy báu giống như núi Tu di. Thọ trì và đọc tụng, hai hạnh này hưởng về Bồ-đề, vì vậy hai hạnh này gọi là Liễu Nhân. Văn Luận hai câu ở trước là phước không hưởng đến Bồ-đề, hai câu ở sau là đối với Thật gọi là Liễu Nhân. Nay thuận theo nghĩa phương tiện, đối với Lý không sai trái. Nhưng theo năm loại Pháp Sư, đối với hai văn của Luận đều khai ra làm hai, lại thêm thuyết pháp gọi là năm Pháp Sư. Nay dẫn văn Luận, còn lại Tự Hành, cho nên không có thuyết pháp lại không gọi là Sư, trong An Lạc Hạnh Sở giải thích nhiều về năm loại Pháp Sư. Tiếp từ “Hành giả...” trở xuống là trình bày về phẩm thứ ba, phân làm ba: Một. Trình bày về tướng phẩm thứ ba; Hai. Từ “An Lạc Hạnh...” trở xuống là dẫn chứng; Ba. Từ “Thuyết pháp...” trở xuống là kết luận phần vị. Phần một như văn. Tiếp theo dẫn ba văn, An Lạc Hạnh có thể thấy, tiếp là văn Tịnh Danh nói thuyết pháp thanh tịnh... ấy là chỉ thuyết về Viên Thường và nội tâm không chấp trước cho nên gọi là thanh tịnh. Như dẫn An Lạc Hạnh nói chỉ dùng pháp Đại thừa để đối đáp..., cho nên biết dùng lực thuyết pháp huân tập bốn trí từ bên trong khiến cho thanh tịnh gấp bội lấy công giáo hóa quy về bản thân, ý ở nơi này; Đại - Tiểu cùng như vậy cho nên dẫn Tỳ Đàm để làm ví dụ tương tự. Nếu như nói nghe pháp được Giải thoát, ấy là ở phần vị Tùy Hỷ, ý văn phần đầu phân biệt về tướng từ trước tới nay mà thôi. Tiếp từ “Thượng lai...” trở xuống là trình bày về phẩm thứ tư, phân làm bốn: Một. Trình bày về tướng của phần vị; Hai. Từ “Đại phẩm...” trở xuống là dẫn chứng; Ba. Từ “Thử đấc...” trở xuống là trình bày về ý của phần vị; Bốn. Từ “Sự phước...” trở xuống là kết luận phần

vi. Văn phần một có hai: Trước là tổng quát trình bày; tiếp từ “Nhược bố thí...” trở xuống là tách biệt nêu ra tướng của sáu độ. Vì vậy biết Chánh Hạnh trong văn sáu độ, là muốn sơ lược trình bày về Viên cảnh. Nói y chánh của mười pháp giới đều xả bỏ, là trình bày rộng về hành tướng, phải như tùy ý và chỉ quán chánh trợ cùng thực hành Sự Lý không hai mới gọi là Chánh Hạnh. Nếu chọn lấy ý đó, chỉ dùng sự tướng sáu độ của Tam Tạng giáo, đều dùng Thật Tướng dung hợp khiến cho không khác nhau mà chỉ là pháp giới, tức là tướng ấy vậy. Vô úy đẳng thí: Luận có ba Thí, gọi là Tư sanh - Vô úy và pháp. Xả bỏ y, chánh gọi là thí Tư sanh (Tài thí), lược không nói đến Pháp thí cho nên nói là Đẳng. Tiếp là kết luận ca ngợi có thể biết. Phần ba trong thuyết định phần vị tương tự như phần vị niệm xứ của Tam Tạng giáo, nhưng Đại, Tiểu hướng về nhau đều là ngoại phạm, không luận về nội quán và cảnh tốt xấu, xuống phía dưới tìm hiểu về phần vị tất cả đều như vậy. Trong mỗi một phẩm đều thuận theo có đủ mười lại tăng thêm gấp bội rất rõ ràng. Văn không có ấy là lược bớt, vì vậy đầu Thập Tín lại lặp lại rằng: Khiến cho năm phẩm càng sáng tỏ gấp bội. Trong Tư Thích bởi vì chọn lấy quyết định phần vị, cho nên dùng năm phẩm so sánh với năm đỉnh tâm, trong đó có hai: 1. So sánh tổng quát; 2. Tách biệt so sánh. Nói văn tự là Pháp thân khí mạng, ấy là ví như Sắc thân hữu lậu ở Dục giới thì hơi thở còn, mạng sống còn, hơi thở hết, mạng sống hết, Pháp thân cũng như vậy, có giáo năng thuyên thì Pháp thân an trú, giáo Đại thừa không còn thì Pháp thân lẽ nào tồn tại? Vì vậy phần vị Tùy Hỷ nội quán Pháp thân, không có hơi thở đọc tụng để duy trì tuệ mạng, thì bị giác quán phá hoại Pháp thân. Trong Chánh Hạnh Lục Độ nói ngay nơi Sự nhưng mà Lý... ấy, Lý tức là Phật Sự gây trở ngại cho Đạo, đối với Sự linh hội được Lý, khiến cho Sự không có gì trở ngại, trở ngại chính là ngăn cách, ngay nơi Sự mà là Lý không có gì ngăn cách đáng bàn luận. Phần vị Thập Tín, lại phân làm năm: 1. Nhắc lại năm phẩm làm cho nhân của Thập Tín; 2. Chính thức trình bày mười pháp ngang dọc đối chiếu với Thập Tín; 3. Từ “Phổ Hiền...” trở xuống là dẫn chứng; 4. Từ “Nhập thử...” trở xuống là công năng; 5. Từ “Thử vị...” trở xuống là dựa vào những điều đã trình bày rộng rãi. Văn phần một, nhưng mà trong này trước là nhắc lại đầu tiên của năm phẩm trước, nghe Viên giáo khởi Tín có thể tu tập mười pháp, thành tựu công hạnh viên mãn, đi vào phẩm Tùy Hỷ, từng phẩm từng phẩm dần dần tiến vào phần vị Thập Tín, gọi là phần vị viên mãn. Phần hai từ “Dĩ thiện...” trở xuống là chính thức trình bày về mười pháp, đã từ mười Thừa đi vào Thập Tín,

cho nên nghĩa lý của văn này cần phải có đủ hai ý so sánh ngang dọc, vì vậy trước là đối chiếu theo chiều dọc, tiếp là dẫn kinh Anh Lạc, Thập Tín có đủ trăm pháp để đối chiếu với văn theo chiều ngang. Do đó biết Thập Tín và mười nghĩa Thừa thì nghĩa giống nhau mà tên gọi khác nhau, cần phải hết sức thông suốt khiến cho không lạc mất ý chỉ. Nay đều dựa vào chiều dọc đưa ra tướng theo chiều ngang ấy vậy. Trong mỗi một Tín nói là khéo tu ấy, bởi duyên vào Thật Tướng thực hành năm Hồi, thúc giục chịu khó tinh tiến, đến phẩm thứ năm có thể đi vào Thập Tín, gọi là khéo tu. Do khéo tu cho nên khởi lên kiến giải tương tự, vì vậy mười pháp thuộc về phần Tướng Tự, chuyển sang tên gọi Tín Tâm cho đến Nguyện Tâm cũng lại như vậy, tại vì sao? Bởi vì cảnh bất tư nghị lấy Tín làm căn bản, Từ bi hoằng thệ nguyện dựa vào niệm lực duy trì, tâm an trú trong Chỉ Quán công lao nhờ vào tinh tiến; phá trừ ba Hoặc thì Diệu tuệ mới khắp mọi nơi, thông suốt không ùn tắc dựa vào lực quyết định chủ yếu là tu Đạo phẩm, để mong cầu bất thoái, Chánh, trợ hạnh không thiếu sót luôn luôn hồi nhân hưởng quả, không vượt qua thứ bậc phần vị mới có thể hộ pháp, trong ngoài bất động dựa vào khéo phòng ngừa sai trái, đối với pháp không còn niệm Ái là dựa vào Đại Nguyện lực. Vì vậy có thể đến nơi này thì gọi là Tín Tâm cho đến Nguyện Tâm. mười pháp đã thừa nhận sơ tâm vốn có tu, nên biết rằng từng Tín từng Tín đều có đủ mười pháp, vậy thì Thập Tín có đủ trăm pháp rõ ràng rồi, phần ba dẫn hai Kinh chứng minh có thể thấy. Phần bốn trong công năng, có hai: Một. Chính thức nói về công năng; Hai. Dẫn kinh Nhân Vương chứng minh rằng Bồ tát mười thiện phát tâm rộng lớn ấy, cũng có người nói: “Sáu căn thanh tịnh gọi là nghĩa về Đốn, Bồ tát mười thiện này là nghĩa về Tiệm”. Nay văn đã dẫn ra Bồ tát mười thiện để chứng minh cho sáu căn, lẽ nào thích hợp với dẫn ra Tiệm mà chứng minh cho Đốn hay sao? Vì vậy biết rằng hai văn đều là Đốn rõ ràng rồi. Nhưng kinh Nhân Vương nói là trước, sau ấy, thì ý Kinh Pháp Hoa luận về trung gian, người khác không thấy điều đó chỉ nảy sinh cái thấy khác nhau. Phần năm dựa vào Giáo mở rộng, trong đó có hai: Một. Tổng quát nêu ra; Hai. Từ “Hoa Nghiêm...” trở xuống là dẫn ra rất nhiều văn. Thứ nhất nói Hoa Nghiêm Pháp Tuệ... ấy, là kinh ấy không nêu ra tên gọi của Thập Tín, chỉ đối với Trú Tiền quán sát mười Phạm hạnh, từ xưa tới nay người giảng giải phân định là Thập Tín, vì vậy nay dẫn ra để làm phần vị Tín, mười Phạm hạnh “Không” đầy đủ như Chỉ Quán quyển thứ bảy ghi lại. Ví như đi vào biển trước tiên thấy tướng bằng phẳng ấy, trong Đại Luận sáu mươi sáu nói: “Nghe Bát-nhã

sâu sắc cho đến chánh ức niệm, nên biết rằng người này không bao lâu sẽ được thọ ký. Như muốn trông thấy biển, phát tâm mong muốn hưởng về, không thấy tướng cây cối, tướng núi rừng..., nên biết rằng người này tuy không trông thấy biển mà sự hiểu biết về biển không khác nhau xa lắm. Tại vì sao? Bởi vì biển lớn, ở bằng phẳng cho nên không có các tướng cây cối... Bồ tát thọ trì Bát-nhã chánh ức niệm..., tuy không ở trước Phật nghe thọ ký kiếp số mà tự biết mình không bao lâu sẽ tiếp cận với Bồ-đề”. Cây cối núi rừng... ấy là sanh tử. Lại như đến mùa xuân thì cây cối phô bày hoa lá, nếu như rụng xuống thì nên biết rằng lúc bấy giờ lá mới sẽ xuất hiện không lâu. Nghe Bát-nhã sâu sắc, quán hành thành tựu cũng lại như vậy. Kinh Nhân Vương và Phổ Hiền Quán như trước bốn trích dẫn ấy là trong kinh Nhân Vương kệ rằng: “Bồ tát mười thiện phát tâm rộng lớn, biển khổ luân hồi tam giới rời xa”. Văn tiếp theo thì nói: “Huân tập chủng tử Đồng Luân trị vì hai thế giới, vì vậy biết mười thiện là phần vị Thiết Luân”. Phổ Hiền Quán nói: “Mười cảnh giới như nhau”. Lại nói: “Nhờ lực Tam muội cho nên sáu căn dần dần thanh tịnh”. Đây đủ như kinh giải thích. Sáu căn thanh tịnh rồi được các Đức Như Lai xoa đầu thọ ký, thọ ký tức là đi vào Sơ Trụ vậy. Do đó biết sáu căn tức là phần vị Thập Tín và Trụ Tiền. Dẫn ý kinh này là, đã nói hạnh an lạc thì an lạc gọi là Niết-bàn, tức là chỉ cho Sơ Trụ trở lên. Trước đây tất cả hưởng về phần vị, tuy lấy năm phần làm hạnh, mà nay ở đây hưởng về chứng làm hạnh, cho nên biết rõ ràng hạnh chắc chắn ở Trụ Tiền. Hành xứ thì chung, chung đối với năm phẩm mười Tín, gần thì tên gọi có chung có riêng. Như Sơ giải thích rằng: “Dựa theo xa mà luận về gần, tức là xa rời mười não loạn. Dựa theo gần mà luận về gần, tức là chỉ cho ở tại nơi vắng lặng tu tập thâm nhiếp tâm đó. Dựa theo chẳng xa chẳng gần mà luận về gần, tức là chỉ cho mười tám Không như Bất Động - Bất Thoái... Bồ tát thuận theo cần phải quán sát ba pháp như vậy, cho nên đều gọi là gần”. Vậy thì pháp đã tiếp cận có thân có sơ, cho nên nói là có chung có riêng, vì chung là sơ, riêng là sâu. Dẫn ý kinh Niết-bàn cũng cùng với nghĩa An Lạc Hạnh như nhau. Ý Đại Luận là ngay nơi Niết-bàn là sở quán sở chứng, cho nên biết hành đạo cũng thuộc về Trụ Tiền, cũng là hạnh của Như Lai. Tiếp theo trình bày phần vị Thập Trụ, phân làm năm: Một. Tổng quát nhắc lại Tín làm nhân đi vào Trụ; Hai. Từ “Sơ phát...” trở xuống trình bày về ba pháp khai phát; Ba. Từ “Cử yếu...” trở xuống trình bày về mười phần pháp thành; Bốn. Từ “Nhân vương...” trở xuống là sơ lược dẫn chứng; Năm. Từ “Thử vị...” trở xuống là dựa vào giáo pháp mở rộng. Hai phần đầu như văn. Phần ba từ “Cử

yếu...” xuống dưới là mười văn, tức là mười pháp của Sơ Trú, từ chứng tiếp nhận tên gọi, cho nên gọi là Trú. Vì vậy kinh Nhân Vương nói: “Đi vào lý Bát-nhã gọi là Trú, Trú vào ba Đức và tất cả Phật pháp, cho đến có thể phát sinh các phần vị về sau và sau nữa, từng phần vị một không có phần vị nào không đều có đủ mười pháp vậy”. Vì vậy mười pháp này thuận theo Trú làm tên gọi, các phần vị về sau tiếp tục dùng mười pháp Sơ Trú này làm nhân. Trong đó phân làm hai: Thứ nhất là Đại sư giải thích đưa ra mười pháp Sơ Trú; thứ hai là Tư hội thích. Phần thứ nhất lại có hai: Trước là chính thức giải thích, tiếp từ “Hoa Nghiêm...” trở xuống là ca ngợi. Ý trong văn phần đầu nói thuận theo chứng, ấy là chứng được cảnh Bát tư nghị gọi là an trú vào tất cả Phật Pháp, chứng ba loại Bồ-đề gọi là Trú Từ bi che phủ khắp nơi, chứng Chỉ Quán vắng lặng soi chiếu gọi là Trú thành tựu vạn hạnh, chứng phá trừ ba Hoặc khắp nơi gọi là Trú một tâm ba trí, chứng đối với tất cả không có gì bế tắc gọi là Trú Phật nhãn nhìn thấy đầy đủ, chứng Vô tác Đạo Diệt gọi là Trú Pháp thân lợi ích sâu xa, chứng trợ đạo vạn hạnh gọi là Trú thần thông hiển bày lợi ích, chứng phần vị Thật của Viên giáo gọi là Trú khai bày rõ ràng về Nhất Thừa, chứng yên ổn nhận nại trong ngoài gọi là Trú cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, chứng không còn nhưng pháp Ái gọi là Trú công đức các Địa. Sơ Trú này chứng đạt chuyển đổi tựa như là Chân vốn có vậy. Phần bốn là dẫn chứng có thể biết. Người ta nhìn nhận nói là nông sâu, phần nhiều vì không hiểu đối với ý của Viên - Biệt, đầy đủ như sau sẽ phân rõ, cũng như văn trong Chỉ Quán. Phần năm là dựa vào giáo mở rộng, ấy là hoàn toàn chứng một phần Vô Sanh, có thể phát sinh tám tướng làm Phật, cho nên nói là ngôi nơi đạo tràng... Đại Kinh nói phát tâm tất cánh là hai phần vị không sai khác, đây hoàn toàn là văn Ca-diếp ca ngợi Sơ Trú. Kinh Hoa Nghiêm giải thích văn ca ngợi Sơ Trú rất nhiều không thể nào ghi lại đầy đủ được. Văn nói về Hạnh - Hưởng và Địa phần nhiều là ý văn trong Hoa Nghiêm - Anh Lạc. Văn kinh Anh Lạc tuy là theo thứ tự, mà cũng có thể mượn dùng để nói về niệm niệm tiến vào. Trong phần vị Diệt Giác gọi là Đại Niết-bàn, mười pháp đến nơi này đều gọi là Đại. Vì vậy văn nói điều khiển xe đạt đến trình độ cao hãy còn gọi là xe; từ lúc này về trước tuy có đủ các pháp mà chưa hiển bày hoàn toàn, không thể gọi là Đại. Tuy có Từ bi mà bị vô minh ngăn cách cho nên không gọi là Đại. Tuy thường vắng lặng soi chiếu mà đối tượng trang nghiêm chưa tận cùng thì chủ thể trang nghiêm không phải là Đại. Tuy biết thông suốt và bế tắc mà bế tắc vẫn chưa hết, cho nên sự nhận biết chẳng phải là Đại. Tuy đạt được Đạo

phẩm mà Đạo chưa đến nơi cao nhất, cho nên Đạo chẳng phải là Đại. Tuy sử dụng chánh, trợ hạnh mà chánh hạnh chưa tròn đầy, cho nên Dụng chẳng phải là Đại. Tuy tiếp tục khai mở Quyền mà lý chưa hoàn toàn cùng tận, cho nên khai mở chẳng phải là Đại. Tuy nhấn chịu hai bên mà hãy còn Hoặc thừa lại, cho nên lợi ích chẳng phải là Đại. Tuy không đả trước phần vị mà phần vị chưa đến nơi cao nhất, cho nên phần vị chẳng phải là Đại. Vì vậy mười pháp của Diệu Giác đều gọi là Đại, gọi là Thừa cứu cánh. Thí dụ về mười pháp thành Thừa phù hợp với xa lớn, như trong Chỉ Quán quyển thứ bảy, cho đến phân biệt trong mười pháp này hoặc là bảy loại hoặc là một loại. Tiếp trong phần dẫn chứng, có ba: Thứ nhất là tổng quát nêu ra; thứ hai là dẫn rộng ra; thứ ba từ “Như thượng...” trở xuống là kết luận trả lời. Phần thứ nhất như văn. Phần thứ hai lại có hai: 1. Dẫn các kinh; 2. Dẫn kinh này. Trong phần một dẫn các kinh có hai: Một. Đại Kinh; Hai. Đại Phẩm.

Trong phần một dẫn Đại Kinh có hai: a. Chính thức dẫn Kinh giải thích; b. Từ “Văn...” trở xuống là giải thích nghi ngờ. Văn phần a lại có hai: Trước là dẫn Nguyệt Ái Tam muội để chứng minh trí, Đoạn trong phần vị; tiếp là dẫn Kinh thứ hai để chứng minh ba đức. Văn phần trước lại có hai: Đầu từ “Đại Niết-bàn...” trở xuống chứng minh dựa theo trí, Đoạn luận về Pháp thân, sau từ “Đại Kinh...” trở xuống dựa theo Pháp thân luận về trí, Đoạn, hợp cùng trí, Đoạn ở trước chung nhau hiển bày ba đức, hai văn đều có thí dụ, kết hợp, Nguyệt Ái Tam muội là văn trong phẩm Phạm Hạnh. Văn phần tiếp ấy là hợp lại ba đức ở trước chỉ là Bí Tạng. Tiếp trong phần giải thích nghi ngờ: Trước là hỏi, tiếp là trả lời. Ý hỏi là trong kinh thì Kỳ Bà vì Xà Vương mà nói, tổng quát có sáu Dụ: 1. Dụ về thiện tâm khai mở đầy đủ; 2. Dụ về tâm hỷ của hành giả; hai dụ ba, bốn là dụ cho thiện căn tăng thêm, phiền não giảm bớt; 5. Dụ cho trừ bỏ tham; 6. Dụ cho Ái Lạc. Sao nói là có thể biết đây là dụ cho trí, Đoạn. Đây là câu hỏi chung. Trong phần trả lời dùng Nhân Vương Bát-nhã và Thắng Thiên Bát-nhã trợ giúp chứng minh Đại Kinh, nghiệm xét văn trong Đại Kinh thì nghĩa thích hợp với trí, Đoạn. Nhân Vương mười bốn Nhãn ấy, Nhãn nghĩa là về nhân, đến quả gọi là trí. Nay muốn luận chung về trí, Đoạn cho nên lấy trí gọi thay cho Nhãn. Trong Thắng Thiên Vương cũng lấy Bát-nhã làm mười bốn Nhãn, Bát-nhã tức là trí đức. Trong hai kinh ấy đã có mười trí, Đoạn, đâu trở ngại đến mười trí, Đoạn trong Đại Kinh? Mười bốn nghĩa thành tựu thì mười lăm có thể ví dụ. Tiếp theo dẫn Đại Phẩm lại có hai: 1. Dẫn kinh; 2. Từ “Chư học nhân...” trở xuống là giải thích nghi ngờ. Trong văn phần một

nói pháp môn bốn mươi hai chữ, nói là Đẳng Đẳng ấy, Nam Nhạc giải thích rằng: “Nói là nói lời như nhau ấy, gọi là Pháp Tuệ thuyết về Thập Trú, mười phương thuyết về Thập Trú ấy đều gọi là Pháp Tuệ, thuyết về Thập Trú, mười phương thuyết về Thập Trú ấy đều gọi là Pháp Tuệ, cho đến Kim Cang Tạng cũng lại như vậy”. Nói là Ngũ Đẳng, ấy là chư Phật mười phương thuyết về Thập Trú và Pháp Tuệ thuyết như nhau, cho đến Thập Địa cũng lại như vậy. Vả lại, tất cả văn tự đều là không có chữ, mà có thể làm thành tất cả văn tự, thì gọi là Tự Đẳng. Phát ngôn không khác nhau, thì gọi là Ngũ Đẳng. Tất cả các pháp đều tồn tại trong nhau, thì gọi là các văn tự cùng đi vào pháp môn. Trước là giải thích theo Sự, tiếp là giải thích theo Lý. Tiếp theo trong phần giải thích nghi ngờ, có hai: Một. Đưa ra nghi ngờ; Hai. Từ “Đẩn luận văn...” trở xuống là giải thích. Trong giải thích có hai: Trước là dẫn văn Luận giải thích sơ lược về ý, tiếp từ “Kim vị...” trở xuống dùng nghĩa của chữ giải thích ý. Trong giải thích lại có bốn: a. Sơ lược dẫn ra nghĩa của chữ; b. Dẫn kinh Hoa Nghiêm và nghĩa của chữ giống nhau cùng là ý Viên giáo; c. Từ “Kinh vân...” trở xuống là dẫn Kinh giải thích về bốn mươi hai chữ làm chứng; d. Từ “Quảng thừa...” trở xuống là dẫn văn Kinh theo thứ tự để chứng minh cho nghĩa của chữ. Văn hai phần đầu có thể thấy. Phần c. Là dẫn Kinh, trong Kinh vốn có giải thích đầy đủ về công đức của bốn mươi hai chữ, đầy đủ như trong hai quyển của Nam Nhạc giải thích, giải thích bao gồm ba giáo nhưng ý nay thuộc về Viên giáo. Phần d. Dẫn văn Kinh theo thứ tự phân làm hai: Trước là chính thức dẫn ra, tiếp là kết luận trả lời. Văn phần trước, trong Đại Phẩm thứ năm giải thích rộng về Thừa, kinh ấy trình bày rộng về ba mươi bảy phẩm cho đến mười tám pháp Bất Cộng rồi, tiếp tục giải thích rộng về bốn mươi hai tự môn; tiếp trong phẩm Phát Thú quyển thứ sáu trình bày về Bồ tát Ma ha tát phát thú ấy, là bắt đầu từ Hoan Hỷ Địa cho đến Pháp Vân Địa. Trong Pháp Vân Địa trình bày về tu tập và Đối trị Địa nghiệp. Tiếp sau phẩm Phát Thú trong phẩm Xuất Đáo, “Tu Bồ-đề hỏi: Thừ này từ nơi nào sanh ra, đến an trú nơi nào? Đức Phật dạy: Không có Nhân Thừa mà đến các Địa như Can Tuệ...” vì vậy kết luận rằng văn Kinh so sánh theo thứ tự. Tiếp là chính thức dẫn Kinh này phân làm hai: Một. Dẫn phần Phân Biệt Công Đức. Pháp Sư và Phương Tiện, tất cả chứng minh về phần vị Viên giáo từ đầu đến cuối; hai – Dẫn phẩm Thí Dụ và Tựa, tách biệt chứng minh cho phần vị của nhân quả bốn mươi hai vị. Văn phần một, trước là trình bày về nhân vị, tiếp từ “Hựu vân...” trở xuống là chứng quả vị. Phần trước trong nhân vị, có hai: 1. Dẫn hai phẩm

chứng minh về nội ngoại phạm; 2. Dẫn phẩm Phương Tiện để chứng minh về Thánh vị, lại có hai: Thứ nhất chính thức dẫn ra; thứ hai dẫn Nam Nhạc giải thích về chứng. Trong chứng lại có hai: Một, Dùng Sự chứng gọi là khai mở như nhau; Hai, Dẫn Lý chứng cùng nhau chứng Thật vốn có. Tiếp là quả vị có thể biết. Tiếp trong phần dẫn hai phẩm, đầu tiên là ý phẩm Thí Dụ, “Bảo Thừa” là Thừa của các con. Thừa nhất định phải từ nhân đến quả, quả nhất định phải cuối cùng đến đạo tràng. Trước đã đạo khắp bốn phương, không phải nhân thì là gì? Các hàng Thanh Văn đã được thọ ký rồi lập ức đi vào Sơ Trụ, nghiệm biết chính là nhân vị chân thật; nhân này không hề thay đổi, cho nên nói là thẳng đến. Tiếp là ý phẩm Tựa, phạm là Tựa thì thực hiện hợp với phép tác tìm cách gợi ra, nhìn thấy khiến cho biết xác nên không chỉ có thi thiết, bởi vì trong phần Chánh Tông bàn về nhân quả Thật Tướng. Dùng phần Chánh Tông nghiệm xét phần Tựa thì đầu đến cuối rõ ràng vô cùng, vì vậy bốn Hoa từ cõi trời nhưng mà Lý chung quy là nhân trống rỗng mà rước mưa quả Phật, khiến cho người thấy nghe không ai là không tu nhân Nhất Thừa, cảm được quả Nhất Thừa, cho nên lại phù hợp với các đại chúng, vốn là biết biểu thị cho nhân vị chân thật rõ ràng rồi. Nói là kết luận trả lời ấy thì như văn, rõ ràng hiểu được. Vì thế biết rằng trước đây dùng sự nghi ngờ vì không có phần vị mà chất vấn thì thật là không đúng. Thứ ba trong phần liệu giản, có hai: Thứ nhất liệu giản về phẩm vị; thứ hai dùng bốn câu liệu giản về khai hợp. Văn thứ nhất lại có hai: 1. Liệu giản về phẩm vị; 2. Từ “Mạt đại...” trở xuống là nhắc nhở khuyến khích. Văn phần một lại có hai: Một, Liệu giản về phẩm; Hai, Từ “Thử chư...” trở xuống là liệu giản về vị. Trước là liệu giản kinh Anh Lạc, tiếp là liệu giản kinh Niết-bàn - Đại Phẩm. Phẩm vị tác thành lẫn nhau cùng hiển bày một nghĩa, quán tâm không cần phải liệu giản. Phần đầu là hỏi như văn. Trong trả lời nói Pháp Ái ấy, chính là chân thật yêu quý đạo pháp. Ý trong văn tiếp theo, tuy là sử dụng kinh Niết-bàn nhưng không thể nào chấp trước nhất định. Tại vì sao? Bởi vì không chứng thì không biết được. Phạm là trình bày về phần vị, ấy chỉ là tiếp nhận tất cả những hạng phạm phụ họ căn mà thôi. Trong đó có hai: Một, Sợ rằng sai lạc ý chỉ của Phật; Hai, Từ “Như thử...” trở xuống là trình bày về các phần vị không phải là bậc Thánh thì không biết được. Trong văn phần một nói nếu như chỉ so sánh với pháp môn này cho đến hiểu biết riêng biệt, chấp trước riêng biệt... ấy, là phần vị Viên giáo như vậy, nếu không dùng bốn mươi hai tự môn để ví dụ, không dùng một tâm ba quán làm hạnh, không dùng ý vô minh sâu dày để loại trừ, mà chỉ so sánh với

pháp môn theo thứ tự năm hạnh mười đức trong Đại Kinh này, thì tìm hiểu nhiều đời theo thứ tự nhìn nhận sai khác. Tiếp trong phần trình bày về khó suy lường có ba: Một. Trình bày tổng quát về khó suy lường; Hai, Dẫn kinh Hoa Nghiêm chứng minh; Ba. Từ “Thả trí...” trở xuống là dẫn ví dụ, lại có hai: Trước là dẫn ý Đại sư đưa ra phần vị rất đơn giản để trình bày về khó suy lường; tiếp từ “Hựu thả...” trở xuống là lần lượt so sánh quyết định. Văn phần trước có hai: a. Nói về Sự; b. Chương An thuật lại. Trong văn phần (a) nói một vòng Đà-la-ni ấy, là Kinh này đưa ra ba Đà la ni, văn sau giải thích rằng: Trở về Giả đi vào Không gọi đó là vòng, trở về Không đi vào Giả gọi là trăm ngàn vạn ức. Trong Đạo Thật Tướng gọi là pháp âm, nay đưa ra loại thứ nhất trong ba loại, lấy thua kém so với hơn hẳn, cho nên nói là một vòng. Dựa theo phần vị chiều dọc để trình bày chung thì chính là thuộc về Sơ tâm. Trong văn phần (b) nói: lời này có ý, ấy là như Đại sư trí Giả, lúc đầu thấy pháp của Nam Nhạc đã chứng, tức là Đà la ni thứ nhất này. Dựa vào đâu mà có thể hướng về người thuộc chủng loại thấp kém để nói, khiến cho họ hiểu rõ về pháp của mình đã chứng? Đây tức là Chương An thuật về Đại sư tự mình chứng, có thể biết. Tiếp trong phần so sánh quyết định, có hai: Một. Dựa theo nội pháp; Hai. Dựa theo ngoại sự. Nội pháp lại có hai: Vô lậu phương tiện và Sự Thiên. Nói là người thợ dẻo bánh xe gỗ rất thành thạo, Trang Tử nói: “Người biết không nói, người nói không biết”. Như Tề Hoàn Công đọc sách ở trong phòng, Luân Biển dẻo bánh xe gỗ ở nhà sau, buông dùi đục mà đi lên hỏi Hoàn Công rằng: Sách Ngài đang đọc là sách gì vậy? Hoàn Công nói: Lời dạy của Thánh nhân. Hỏi rằng: Thánh nhân ở đâu vậy? Hoàn Công nói: Chết rồi. Vậy thì sách Ngài đã đọc ấy, là căn bản của người xưa vậy. Hoàn Công nói: Trẫm đọc sách thì người như ông sao có thể bàn luận được? Có nói thì có thể, không nói gì thì không làm sao hiểu được. Luân Biển nói: Lấy việc của bề tôi mà quán xét, dẻo bánh xe bằng gỗ chậm chậm thì trơn tru mà không chắc chắn, nôn nóng thì vất vả mà lại không vừa, không chậm không nhanh, có thể thuận tay mà lại phù hợp với tâm. Miệng không thể nói được, có giáo nào tồn tại ở trong đó. Bề tôi không thể nào dụ cho con của bề tôi, con của bề tôi cũng không thể nào tiếp nhận gì nơi. Vì vậy bảy mươi tuổi mà dẻo bánh xe bằng gỗ, ý của người xưa không thể nào lưu truyền thì đã chết rồi. Do đó biết rằng sách của Ngài đã đọc ấy là căn bản của người xưa rồi. Đây là sự việc của nhân gian, cũng không thể nói được. Tiếp theo dùng bốn câu, lại có hai: Trước là chính thức trình bày về bốn câu, tiếp là trình bày về ý khai hợp.